

**QUY ĐỊNH**

**Công nhận nghề truyền thống, làng nghề,  
làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**  
(Kèm theo Quyết định số #sovb/2022/QĐ-UBND ngày #nbh /12/2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về nội dung, tiêu chí, trình tự thủ tục công nhận, quyền lợi và nghĩa vụ khi được công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được UBND tỉnh quyết định công nhận.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan tới công tác quản lý ngành nghề nông thôn.

(Các từ nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được hiểu như quy định tại Điều 3, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn).

**Điều 3. Các hoạt động ngành nghề nông thôn**

Các hoạt động ngành nghề nông thôn được quy định tại Điều 4, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

**Chương II**

**TIÊU CHÍ CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG,  
LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG**

**Điều 4. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống**

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ, cụ thể như sau:

### 1. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống

Nghề được công nhận là nghề truyền thống phải đạt 03 tiêu chí sau:

- a) Nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm và hiện đang tiếp tục phát triển tính đến thời điểm đề nghị công nhận.
- b) Nghề tạo ra sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc.
- c) Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.

### 2. Tiêu chí công nhận làng nghề

Làng nghề được công nhận phải đạt 03 tiêu chí sau:

- a) Có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia một trong các hoạt động hoặc các hoạt động ngành nghề nông thôn được quy định tại Điều 3 Quy định này.
- b) Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu hai năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị công nhận.
- c) Đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề được quy định tại Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 33, Điều 34, Điều 35 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### 3. Tiêu chí công nhận làng nghề truyền thống

Làng nghề truyền thống phải đạt tiêu chí làng nghề quy định tại khoản 2 Điều này và có ít nhất một nghề truyền thống theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 5. Tên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống**

Tên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được lấy tên của nghề chính trước và tên của địa phương (thôn, làng) sau nhưng không được trùng với tên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận.

## **Chương III**

### **THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ XÉT CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG**

#### **Điều 6. Điều kiện xét và công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống**

1. Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã quy định tại Điều 4 Quy định này.
2. Hồ sơ đầy đủ, rõ ràng, đảm bảo thời gian theo quy định.

#### **Điều 7. Hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Hồ sơ đề nghị xét công nhận nghề truyền thống:

a) Bản tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của nghề truyền thống, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Biểu mẫu 1).

b) Bản sao giấy chứng nhận, huy chương đã đạt được trong các cuộc thi, triển lãm trong nước và quốc tế hoặc có các tác phẩm nghệ thuật cao được cấp tỉnh, thành phố trở lên trao tặng (nếu có).

c) Đối với những tổ chức, cá nhân không có điều kiện tham dự các cuộc thi, triển lãm hoặc không có tác phẩm đạt giải thưởng thì phải có bản mô tả đặc trưng mang bản sắc văn hóa dân tộc của nghề truyền thống.

d) Bản sao giấy công nhận Nghề nhân nghề truyền thống của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề:

a) Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Biểu mẫu 2).

b) Bản tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn trong 02 năm gần nhất (Biểu mẫu 3).

c) Văn bản bảo đảm điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề truyền thống:

a) Hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề truyền thống bao gồm các văn bản quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

b) Trường hợp đã được công nhận làng nghề, hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. Nếu chưa được công nhận làng nghề nhưng có nghề truyền thống đã được công nhận, hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

**Điều 8. Thủ tục, trình tự xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có các hoạt động ngành nghề nông thôn tại Điều 3 đạt tiêu chí xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống quy định tại Điều 4 của Quy định này, lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và gửi văn bản đề nghị (kèm theo 03 bộ hồ sơ) lên Ủy ban nhân dân cấp huyện. Thành phần hồ sơ UBND cấp xã trình UBND cấp huyện (03 bộ) gồm:

- a) Tờ trình đề nghị công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã theo Biểu mẫu 4.
- b) Hồ sơ theo Điều 7 của Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm tra; Tổ thẩm tra cấp huyện do đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Tổ trưởng, lãnh đạo phòng chuyên môn cấp huyện theo dõi, tham mưu lĩnh vực ngành nghề, làng nghề nông thôn làm Tổ phó, các thành viên của Tổ là đại diện một số phòng, ban liên quan. Tổ thẩm tra có nhiệm vụ: Lập kế hoạch và kinh phí để hàng năm tổ chức thẩm tra; tổng hợp, thẩm tra hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã; trong thời hạn 15 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Tổ thực hiện công tác thẩm tra thực tế, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Tờ trình, danh sách (kèm theo 02 bộ hồ sơ) gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) tổng hợp. Hồ sơ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xét công nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện (Biểu mẫu 6).
- b) Biên bản thẩm tra của Tổ thẩm tra các tiêu chí (Biểu mẫu 5).
- c) Hồ sơ của UBND cấp xã đã nộp cho UBND cấp huyện để thẩm tra.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng và Tổ giúp việc xét duyệt cấp tỉnh; lập kế hoạch và kinh phí để hàng năm tổ chức thẩm định, chọn những nghề/làng nghề có đủ tiêu chuẩn theo Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Quy định này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ra quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trong thời hạn 12 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Thành phần Hội đồng xét duyệt cấp tỉnh, gồm:

- a) Chủ tịch (Phó Chủ tịch) UBND tỉnh: Chủ tịch Hội đồng.
- b) Giám đốc (Phó Giám đốc) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phó Chủ tịch Hội đồng.
- c) Lãnh đạo các Sở: Công Thương, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ (phụ trách lĩnh vực thi đua - khen thưởng), Lao động - Thương binh và Xã hội: Ủy viên.
- d) Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn: Ủy viên.

Và Tổ giúp việc, gồm: lãnh đạo cấp phòng, chuyên viên của các Sở, ngành liên quan.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng cấp tỉnh.

- a) Cuộc họp đánh giá xét duyệt danh hiệu nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phải có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng (được Chủ tịch ủy quyền) chủ trì cuộc họp.

b) Hội đồng xét duyệt đánh giá và quyết định xét chọn theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và được thực hiện chính xác, công bằng, dân chủ, khách quan. Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đạt danh hiệu phải được ít nhất 75% số phiếu tán thành của số thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp.

c) Hội đồng xét duyệt chỉ xem xét các trường hợp đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị; không xem xét các trường hợp khai không đúng mẫu, không đúng yêu cầu hướng dẫn hoặc gửi không đầy đủ thủ tục, hồ sơ theo quy định, không đúng thời hạn.

5. Thu hồi giấy công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống:

a) Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công nhận không đạt các tiêu chí quy định sẽ bị thu hồi bằng công nhận.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện danh sách nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đảm bảo các tiêu chí quy định. Ủy ban nhân dân cấp huyện hàng năm có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, tổng hợp danh sách nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đảm bảo các tiêu chí quy định, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

#### **Điều 9. Thời gian xét công nhận danh hiệu**

1. Việc xét công nhận danh hiệu nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được tổ chức định kỳ 01 năm/lần.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) chậm nhất là ngày 01/10 của năm xét công nhận.

3. Hội đồng xét duyệt cấp tỉnh tổ chức xét duyệt, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận chậm nhất là ngày 31/12 của năm xét, công nhận.

### **Chương IV**

## **QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ CỦA NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG**

#### **Điều 10. Quyền lợi**

1. Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đạt tiêu chí, được quyết định cấp bằng công nhận và được hỗ trợ kinh phí để tổ chức lễ đón nhận Bằng công nhận, xây dựng cổng chào hoặc biển quảng bá sản phẩm nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các quy định khác theo pháp luật hiện hành.

2. Được bổ sung vào danh sách các làng nghề của tỉnh hằng năm để được xem xét các nội dung hỗ trợ phát triển làng nghề theo các cơ chế, chính sách hiện hành của Nhà nước.

3. Được ưu tiên sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường cho hoạt động bảo vệ môi trường tại làng nghề; được hỗ trợ kinh phí xây dựng và triển khai các dự án giảm thiểu sử dụng túi ni lông và sản phẩm nhựa một lần; được Nhà nước hỗ trợ đầu tư các công trình xử lý môi trường từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn hỗ trợ phát triển khác.

4. Các làng nghề, làng nghề truyền thống được hưởng các chính sách khuyến khích trợ giúp của Nhà nước về phát triển ngành nghề nông thôn: bảo tồn và phát triển làng nghề; mặt bằng sản xuất; đầu tư tín dụng; xúc tiến thương mại; khoa học công nghệ; đào tạo nhân lực; cung cấp thông tin; kết nối phát triển du lịch; được Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, được đăng ký tham gia sử dụng nhãn hiệu, được ưu tiên tham gia và hỗ trợ kinh phí từ các chương trình khuyến công, khuyến nông, chương trình xúc tiến thương mại; các chương trình hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

5. Được thành lập Hội làng nghề, làng nghề truyền thống và tổ chức đại diện bảo vệ và hỗ trợ phát triển theo quy định của pháp luật.

6. Các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 11. Nghĩa vụ**

1. Phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống phải gắn với xây dựng nông thôn mới và các phong trào xã hội khác. Huy động, khuyến khích, tạo điều kiện để các nghệ nhân, thợ giỏi truyền nghề, dạy nghề cho người lao động; duy trì, phát triển làng nghề ổn định, bền vững.

2. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các làng nghề, làng nghề truyền thống phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và tuân thủ các quy định của pháp luật về các vấn đề có liên quan khác: an ninh, trật tự an toàn xã hội, lao động, bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 12. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí in ấn, bằng công nhận, làm khung, tiền thưởng cho nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được sử dụng từ quỹ khen thưởng của tỉnh, giao Sở Nội vụ đảm nhiệm.

2. Kinh phí hoạt động của Hội đồng cấp tỉnh và các nhiệm vụ có liên quan thực hiện theo đúng quy định chế độ, chính sách hiện hành từ nguồn dự toán giao hằng năm cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Kinh phí hoạt động của Tổ thẩm tra cấp huyện (Chi cho thành viên Tổ thẩm tra, chi phí kiểm tra các làng nghề đề nghị công nhận, nước uống, photo hồ

sơ, văn phòng phẩm...) được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp giao hàng năm cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Phân công trách nhiệm**

##### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

a) Là cơ quan thường trực của Hội đồng xét tặng danh hiệu của tỉnh, làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

b) Giới thiệu danh sách thành viên Hội đồng xét tặng danh hiệu cấp tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng.

c) Tổng hợp, thẩm định hồ sơ xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; chuẩn bị nội dung và tổ chức cuộc họp của Hội đồng xét tặng cấp tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, triển khai tổ chức thực hiện việc xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ hướng dẫn việc sử dụng tiền thưởng theo Khoản 1, Điều 10, Quyết định này.

e) Tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy định này.

2. Sở Nội vụ: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận.

3. Sở Tài chính: Tham mưu bố trí kinh phí cho các đơn vị cấp tỉnh thực hiện công tác xét công nhận danh hiệu nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống chung trong dự toán ngân sách hằng năm của các đơn vị có liên quan.

##### **4. Ủy ban nhân dân cấp huyện:**

a) Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện Quy định này trên địa bàn; hướng dẫn kê khai hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã; thành lập và chỉ đạo Tổ thẩm tra tiến hành thẩm tra sự đầy đủ và hợp lệ của các bộ hồ sơ; tổng hợp và hoàn thành hồ sơ gửi về tỉnh theo quy định; hỗ trợ kinh phí để Tổ thẩm tra hoạt động theo các quy định hiện hành.

b) Định kỳ hằng năm (trước ngày 30/11 hằng năm) hoặc đột xuất (khi có yêu cầu), báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) việc quản lý công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và tình hình thực hiện các quy định về tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng

nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn đề theo dõi, tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn các làng nghề lập hồ sơ đề nghị công nhận theo quy định, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện vào tháng 9 hằng năm.

#### **Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Các nội dung khác không quy định trong Quyết định này thì thực hiện theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và các quy định khác của pháp luật hiện hành. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các địa phương, cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) để được hướng dẫn hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp./.

**Biểu mẫu 1****Bản tóm tắt quá trình hình thành và phát triển Nghề truyền thống**

*(Kèm theo Quy định Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Quảng Nam)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày... tháng.....năm 20.....

**BẢN TÓM TẮT****Quá trình hình thành và phát triển nghề truyền thống**

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn.

Căn cứ Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tỉnh Quảng Nam.

Qua quá trình hình thành, hoạt động; tự xét thấy đã đạt được những tiêu chí công nhận nghề truyền thống như sau:

1. Nghề..... đã xuất hiện tại địa phương từ trên ..... năm và hiện đang tiếp tục phát triển tính đến thời điểm đề nghị công nhận.
2. Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc/địa phương. Các sản phẩm chủ yếu của nghề là:.....
3. Nghề đã gắn với tên tuổi của một số nghệ nhân nổi tiếng như: .....hoặc Nghề đã gắn với tên tuổi của làng từ năm .....
4. Nội dung khác (nếu có): Các cơ sở sản xuất làm nghề theo đúng quy định của pháp luật; chấp hành đầy đủ các quy định, chính sách của nhà nước và vệ sinh môi trường....

Đề nghị UBND các cấp xem xét công nhận:

Nghề.....thuộc làng (thôn, bản...), xã/phường/thị trấn..., huyện/TX/TP....., là nghề truyền thống.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**Biểu mẫu 2**

**Danh sách các hộ (tổ chức) tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn**  
*(Kèm theo Quy định Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Quảng Nam)*

UBND XÃ.....  
LÀNG .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH**  
**CÁC HỘ (TỔ CHỨC) THAM GIA HOẠT ĐỘNG**  
**NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên (chủ hộ)</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số lao động tham gia</b>	<b>Ghi chú</b>
1				
2				
....				

- Tổng số hộ của làng:.....hộ.
- Tổng số hộ của làng làm nghề:.....hộ.
- Tỷ lệ hộ làm nghề so với tổng số hộ của làng:.....%.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**UBND CẤP XÃ**  
*(ký tên và đóng dấu)*

**BAN NHÂN DÂN THÔN,**  
**KHỐI PHỐ...**  
*(ký và ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI LẬP**  
*(ký và ghi rõ họ tên)*



**Biểu mẫu 4**

**Tờ trình đề nghị Công nhận nghề truyền thống hoặc (làng nghề, làng nghề truyền thống )**  
(Kèm theo Quy định Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Quảng Nam)

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CẤP XÃ.....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ... /TTr-UBND

....., ngày .....tháng.....năm 20...

**TỜ TRÌNH**

**Về việc công nhận Nghề truyền thống**  
**(làng nghề hoặc làng nghề truyền thống)**

Kính gửi: UBND huyện/thị xã/TP.....

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tỉnh Quảng Nam.

UBND xã/phường/thị trấn ..... kính đề nghị UBND huyện/thị xã/TP xem xét, có văn bản đề nghị UBND tỉnh xét công nhận nghề/làng nghề ... ..... là nghề truyền thống (hoặc Làng nghề hoặc làng nghề truyền thống).

*(Có hồ sơ kèm theo)*

Kính trình UBND huyện/thị xã/TP xem xét, đề nghị công nhận./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu: .....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**Biểu mẫu 5**  
**Biên bản thẩm định các tiêu chí nghề truyền thống (làng nghề/làng nghề truyền thống)**  
**của Tổ công tác huyện/ thị xã/ TP**  
*(Kèm theo Quy định Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên*  
*địa bàn tỉnh Quảng Nam)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.....,ngày .....tháng.....năm 20...

**BIÊN BẢN**  
**Thẩm tra các tiêu chí nghề truyền thống( làng nghề/làng nghề**  
**truyền thống) của Tổ công tác huyện/ thị xã/TP**

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của UBND xã .....tại Công văn số về việc đề nghị công nhận nghề hoặc (làng nghề/làng nghề truyền thống) .....thuộc xã ....., huyện ....., tỉnh Quảng Nam là nghề truyền thống ( hoặc làng nghề/làng nghề truyền thống);

Căn cứ Quyết định số: ...../QĐ-UBND ngày .....tháng .....năm .....của UBND huyện/TX/TP .....về việc thành lập Tổ công tác thẩm tra các tiêu chí nghề truyền thống ( hoặc làng nghề/làng nghề truyền thống);

Hôm nay, ngày .....tháng.....năm .....tại.....

Chúng tôi là những thành viên trong Tổ công tác thẩm tra các tiêu chí làng nghề của huyện/TX/TP gồm:

1. Ông/Bà: ..... Chức vụ:.....
2. Ông/Bà: ..... Chức vụ:.....
3. Ông/Bà: ..... Chức vụ:.....
4. Ông/Bà: ..... Chức vụ:.....

Tiến hành thẩm tra quá trình hình thành, phát triển của nghề (hoặc Làng nghề/Làng nghề truyền thống)..... tại:

- Làng .....
- Thuộc xã .....; huyện .....

Đoàn đã thống nhất kết quả đánh giá dưới đây:

**A. Về hồ sơ pháp lý:**

**B. Về kết quả thẩm tra các tiêu chí (nghề truyền thống hoặc làng nghề/làng nghề truyền thống).**

**I. Thẩm tra tiêu chí nghề truyền thống**

1. Nghề..... đã xuất hiện tại địa phương từ trên ..... năm và hiện đang tiếp tục phát triển tính đến thời điểm đề nghị công nhận.

2. Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc/địa phương. Các sản phẩm chủ yếu của nghề là:.....

3. Nghề đã gắn với tên tuổi của một số nghệ nhân nổi tiếng như: .....hoặc Nghề đã gắn với tên tuổi của làng từ năm .....

4. Nội dung khác (nếu có).

Nghề.....đạt (hoặc không đạt) các tiêu chí công nhận nghề truyền thống.

**II. Thẩm tra tiêu chí làng nghề**

1. Số hộ tham gia làm nghề là.....hộ, chiếm .....% tổng số hộ của làng.

2. Số lao động tham gia làm nghề là.....người, chiếm .....% tổng số lao động của làng.

3. Các sản phẩm chủ yếu của làng nghề là:.....

4. Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị công nhận.

5. Giá trị sản xuất (hoặc doanh thu) từ nghề.....của làng .....2 năm liên tiếp.

- Năm ..... giá trị sản xuất (hoặc doanh thu): Thực hiện đạt .....triệu đồng, chiếm .....% tổng giá trị sản xuất (hoặc doanh thu) của làng.

- Năm ..... giá trị sản xuất (hoặc doanh thu): Thực hiện đạt .....triệu đồng, chiếm .....% tổng giá trị sản xuất (hoặc doanh thu) của làng.

6. Thu nhập bình quân/lao động/tháng.....

7. Số tháng hoạt động/năm.....

8. Các cơ sở sản xuất tại Làng nghề sản xuất theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định hiện hành về chính sách của nhà nước và vệ sinh môi trường....

Làng.....đạt (hoặc không đạt) các tiêu chí công nhận làng nghề.

**III. Thẩm tra tiêu chí làng nghề truyền thống**

1. Nghề..... đã xuất hiện tại địa phương từ trên ..... năm và hiện đang tiếp tục phát triển tính đến thời điểm đề nghị công nhận.

2. Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc/địa phương.

3. Nghề đã gắn với tên tuổi của một số nghệ nhân nổi tiếng như: .....hoặc Nghề đã gắn với tên tuổi của làng từ năm .....

4. Số hộ tham gia làm nghề là.....hộ, chiếm .....% tổng số hộ của làng.

5. Số lao động tham gia làm nghề là.....người, chiếm .....% tổng số lao động của làng.

6. Các sản phẩm chủ yếu của làng nghề là:.....

7. Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị công nhận.

8. Giá trị sản xuất (hoặc doanh thu) từ nghề.....của làng .....2 năm liên tiếp.

- Năm ..... giá trị sản xuất (hoặc doanh thu): Thực hiện đạt .....triệu đồng, chiếm .....% tổng giá trị sản xuất (hoặc doanh thu) của làng.

- Năm ..... giá trị sản xuất (hoặc doanh thu): Thực hiện đạt .....triệu đồng, chiếm .....% tổng giá trị sản xuất (hoặc doanh thu) của làng.

9. Thu nhập bình quân/lao động/tháng.....

10. Số tháng hoạt động/năm.....

11. Các cơ sở sản xuất tại Làng nghề sản xuất theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định hiện hành về chính sách của nhà nước và vệ sinh môi trường....

Làng.....đạt (hoặc không đạt) các tiêu chí công nhận làng nghề truyền thống.

Các thành viên tham gia Tổ công tác đánh giá đều nhất trí và ký tên.

Biên bản được lập thành ... bản có giá trị pháp lý như nhau.

**Tổ trưởng/Tổ phó Tổ công tác huyện/thị xã/ thành phố**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Chữ ký của các thành viên Tổ công tác huyện/thị xã/ thành phố**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Biểu mẫu 6****Tờ trình đề nghị xét, công nhận nghề truyền thống  
(hoặc Làng nghề/Làng nghề truyền thống)***(Kèm theo Quy định Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Quảng Nam)***ỦY BAN NHÂN DÂN  
CẤP HUYỆN.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: .../TTTr-UBND

....., ngày .....tháng.....năm 20....

**TỜ TRÌNH****Về việc công nhận Nghề truyền thống  
(làng nghề hoặc làng nghề truyền thống)**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT.

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tỉnh Quảng Nam.

UBND huyện/thị xã/TP đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, trình UBND tỉnh công nhận nghề/Làng.....thuộc xã.....huyện/thị xã/TP....., tỉnh Quảng Nam là nghề truyền thống (hoặc Làng nghề/làng nghề truyền thống).

*(Có hồ sơ kèm theo)*

Kính trình Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, đề nghị UBND tỉnh ra Quyết định công nhận./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu: VT,.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**